TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20/04/2018
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ toạ phiên toà – Thẩm phán: **Ông Lưu Hồ Lân**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Huỳnh Thị Châu
2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan

***- Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Hải** - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất: gửi ý kiến trình bày quan điểm của Viện kiểm sát nên không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 04 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 03 năm 2017 về xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST-DS ngày 30 tháng 03 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thi Tuyết L** – sinh ngày: 02/03/1990

Trú tại: số 128/5, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt)

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Kim S** – sinh năm: 1984

Nơi cư trú: số 32/3G, ấp V, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Nguyễn Kim S sau thời gian quen biết, tìm hiểu nhau hai bên tự nguyện kết hôn, được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2013.

Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2014 thì mâu thuẫn phát sinh và mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2017. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên xúc phạm danh dự nhau. Anh S không lo lắng làm ăn, toàn bộ chi tiêu trong gia đình đều phụ thuộc vào tiền lương của chị L nên cuộc sống vợ chồng rất khó khăn. Mặt khác, anh S thường

xuyên tụ tập bạn bè uống rượu say xỉn, khi say không làm chủ được bản thân nên thường dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị L, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát. Chị L đã nhiều lần khuyên anh S nên thay đổi tính tình nhưng anh S vẫn không chịu khắc phục. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đầu năm 2017, chị L về nhà cha mẹ tại xã G để sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau.Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được.Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Kim S.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu: Nguyễn Huy H – sinh ngày 04/9/2014. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: chị L không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Kim S: vắng mặt*

Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Kim S đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; được triệu tập hợp lệ để làm việc, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh S không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho chị L nuôi dưỡng, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, anh Nguyễn Kim S cư trú tại: 32/3G, ấp Võ Dõng 2, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất.

Anh Nguyễn Kim S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Nguyễn Kim S tự nguyện kết hôn và được UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh S là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị L, anh S nhận thấy:

Theo chị L do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên gây gỗ, cãi nhau. Ngoài ra, anh S không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say xỉn, dùng những lời lẽ thiếu văn hóa xúc phạm chị, thậm chí vợ chồng còn xảy ra xô xát. Chị L đã nhiều lần khuyên anh S nên thay đổi tính tình nhưng anh S vẫn không sửa đổi. Do mâu thuẫn trầm trọng nên đầu năm 2017, chị L về nhà cha mẹ tại xã G để sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau.Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Kim S.

Trong quá trình giải quyết, anh S cố tình vắng mặt không đến Tòa án để làm việc, cũng không thể hiện ý chí, quan điểm của mình về quan hệ hôn nhân với chị L.

Theo biên bản ghi nhận sự việc ngày 05/6/2017 (BL số 30), Tòa án huyện T phối hợp với đại diện chính quyền địa phương đến nhà anh Nguyễn Kim S để xác minh mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S, chị L nhưng anh S và gia đình anh không hợp tác và đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của nguyên đơn giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Từ đó cho thấy rằng, anh S không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mặc cho hậu quả ly hôn hay không ly hôn xảy ra; không quan tâm nên không đến Tòa án làm việc. Do vậy Hội đồng xét xử thấy lời trình bày của chị L là có căn cứ.

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L.

[2] *Về nuôi con chung*: Chị L đề nghị giao cháu Nguyễn Huy H – sinh ngày 04/9/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi ly thân cháu H ở với mẹ, chị L có nơi cư trú ổn định. Cháu H cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên yêu cầu giao con chung cho chị L nuôi dưỡng là có cơ sở chấp nhận. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh S.

[3] *Về tài sản chung*: Khi ly hôn, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật HNGĐ năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tuyết L. Chị Nguyễn Thị Tuyết L được ly hôn với anh Nguyễn Kim S.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Huy H – sinh ngày 04/9/2014 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (Quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002009 ngày 07/03/2017 của Chi cục thi hành án dân sự. (Chị L đã nộp đủ án phí)

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tống đạt hợp hợp lệ cho nguyên đơn hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND.H TN ;
- Chi cục THADS.H TN;
- Các Đ/s;
- UBND xã G;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Lưu Hồ Lân